TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày 08-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị T và ông Trần Văn D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H, cán bộ Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, T phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy Q của ông T: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh huyện P, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy Q của ông T: Ông Lương Thế T, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh huyện P, tỉnh H; "có mặt"

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1966; "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H;

Đăng ký tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn K, khu phố 4, phường Vn, thị xã T, tỉnh B;

3. *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H;

Đăng ký tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn K, khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh B;

- Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1972; "có mặt"

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; "có mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy Q của nguyên đơn, ông Lương Thế T trình bày:

Ngày 22/3/2019 ông Nguyễn Hữu B với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V (viết tắt là Agribank) chi nhánh huyện P ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2411LAV201900531, theo hợp đồng tín dụng thì ông B vay số tiền là 800.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh nông sản, lãi suất vay là 8%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn (cụ thể là 12%/năm), hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 22/3/2019, thời hạn vay theo giấy nhận nợ là 10 tháng (từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/01/2020). Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giải ngân cho ông B một lần đủ số tiền 800.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy nhận nợ số 411LDS201900954 ngày 22/3/2019. PH thức trả nợ tiền gốc và lãi 01 lần vào ngày cuối cùng của hợp đồng là ngày 22/01/2020. Biện pháp bảo đảm tiền vay là cho vay một phần không có bảo đảm bằng tài sản.

Trong tổng số tiền 800.000.000 đồng của ông B vay, thì có 600.000.000 đồng được bảo đảm bằng tài sản, còn lại 200.000.000 đồng ông B vay không có bảo đảm bằng tài sản. Cụ thể:

+ Ngày 21/3/2017 ông Nguyễn Hữu B, vợ là bà Nguyễn Thị L và Agribank chi nhánh huyện P đã ký Hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017/HDTC/NHB và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 042018/PLHĐTC ngày 31/5/2018, Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng được công chứng viên Phòng công chứng Đoàn Tuyết Lê, tỉnh H công chứng vào các ngày 21/3/2017, 31/5/2018 và Văn phòng đăng ký đất đai huyện P chứng nhận đăng ký thế chấp bằng Q sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 21/3/2017, giá trị tài sản thế chấp theo biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 01/BBXĐ ngày 21/3/2017 là 573.350.000 đồng, theo hợp đồng thế chấp thì vợ chồng ông B, bà L đã thế chấp Q sử dụng diện tích 306,3m^2 đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 178, tờ bản đồ số 28 ở thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H mang tên ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị L tại Agribank chi nhánh huyện P, tỉnh H để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông B tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa ông B với Agribank chi nhánh huyện P trước, cùng hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp bao gồm các khoản nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan nếu có.

+ Ngày 25/4/2017 vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H và Agribank chi nhánh huyện P ký hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số 022017/NHK/HĐTC, Hợp đồng này được công chứng viên Phòng công chứng Đoàn Tuyết Lê, tỉnh H công chứng ngày 25/4/2017 và Văn phòng đăng ký đất đai huyện P chứng nhận đăng ký thế chấp bằng Q sử dụng đất ngày 26/4/2017, tổng giá trị tài sản thế chấp theo biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm số 022017 ngày 22/4/2017 là 274.540.000 đồng, theo hợp đồng thì vợ chồng ông K, bà H thế chấp Q sử dụng diện tích 48,1m^2 đất tại thửa số 80 và diện tích 148m^2 đất, tại thửa số 81, cùng tờ bản đồ số 28, tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H mang tên ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H tại Agribank chi nhánh huyện P, tỉnh H để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông B tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa ông B với Agribank chi nhánh huyện P trước, cùng hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp bao gồm các khoản nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan nếu có.

Khi đến hạn trả nợ, ông B đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, do vậy khoản tiền nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/01/2020. Tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/01/2020 là 853.654.795 đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là 53. 654.795 đồng. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, ông B đã trả được số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 14.904.110 đồng. Tổng số tiền ông B còn nợ tạm tính đến ngày 17/11/2020 là 890.838.356 đồng, trong đó nợ gốc là 775.000.000 đồng, lãi trong hạn là 38.750.685 đồng, lãi quá hạn 77.087.671 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả Agribank tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 17/11/2020 là 890.838.356 đồng và lãi suất phát sinh T theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông B, bà L thanh toán xong khoản nợ cho Agribank.

Trường hợp ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên cho phát mại tài sản bảo đảm của vợ chồng ông B, bà L và tài sản của vợ chồng ông K, bà H đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ cho phía ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2022 bị đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày:

Ngày 22/3/2019 ông có ký hợp đồng tín dụng với Agribank chi nhánh huyện P, vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Quy định về thời hạn thanh toán, gốc, lãi như thế nào và lãi suất bao nhiêu thì ông không nhớ rõ nhưng có quy định trong hợp đồng tín dụng. Ông đã được giải ngân đủ số tiền 800.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông và vợ ông có thế chấp Q sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H và nhờ vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H thế chấp thửa đất 80, tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H. Quá trình vay, ông mới trả được nợ gốc là 25.000.000 đồng và mấy kỳ lãi ông không nhớ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông thanh toán số tiền

890.838.356 đồng thì ông đồng ý. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông chưa thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng một lần, ông đề nghị Ngân hàng cho ông Thanh toán nợ gốc trước T nhiều lần. Ông đi làm ăn xa không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng ông, bà với ông Nguyễn Hữu B có quan hệ anh em họ. Năm 2017 ông B có đặt vấn đề mượn giấy chứng nhận Q sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) trong thời hạn 01 năm rồi sẽ trả, nói là để thế chấp ngân hàng vay vốn. Vì là anh em trong gia đình, mặt khác ông B khi đó còn làm Bí thư, Chủ tịch xã T nên ông bà tin tưởng và đã đồng ý cho ông B mượn. Ông, bà được biết khi đó ông B vay số tiền là 770.000.000 đồng (nay ông bà được biết ông B vay số tiền 800.000.000 đồng). Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông B ngoài thế chấp tài sản của vợ chồng ông B ra thì còn dùng tài sản của vợ chồng ông, bà là 02 thửa đất cũng ở thôn P, xã T để thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên của ông B tại Agribank chi nhánh huyện P, cụ thể: thửa số 80, tờ bản đồ số 28, diện tích 48,1m^2; thửa số 81, tờ bản đồ số 28, diện tích 148m^2, cả hai thửa đất nêu trên đều mang tên vợ chồng ông bà. Mọi thủ tục thế chấp tài sản hai thửa đất nêu trên do ông B và ngân hàng làm thủ tục, còn vợ chồng ông bà chỉ việc lên ngân hàng ký hợp đồng thế chấp tài sản, tiền thì ông B nhận chứ vợ chồng ông bà không được nhận. Sau hai năm cho ông B mượn GCNQSD đất không thấy ông B nói gì về việc trả lại, ông bà có lên Ngân hàng hỏi thì ngân hàng trả lời GCNQSD đất của vợ chồng ông bà đã được đáo hạn. Đến tháng 4/2020 ông bà mới biết là vợ chồng ông B bị vỡ nợ, hiện nay vợ chồng ông B không có mặt tại địa pH. Nay ngân hàng khởi kiện ông B về tranh chấp hợp đồng tín dụng ra Tòa án nhân dân huyện P thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. Đối với hai GCNQSD đất của vợ chồng ông bà đã thế chấp tại ngân hàng bảo đảm cho khoản vay 200.000.000 đồng của ông B thì quan điểm của ông bà: Nếu ngân hàng đồng ý cho rút 02 GCNQSD đất trên về thì ông bà sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng thay ông B số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc (hai trăm triệu đồng), còn lãi suất thì đề nghị ngân hàng miễn cho ông bà. Nếu không được thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện P đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B tiến hành lấy lời khai của người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L nhưng không lấy được lời khai của bà L.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Bị đơn ông Nguyễn Hữu B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đều có chung quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy Q nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả Agribank số tiền nợ

gốc là 775.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/01/2020 là: 38.750.685 đồng; lãi quá hạn từ ngày 23/01/2020 đến ngày 08/6/2022 là 217.479.453 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 08/6/2022 là 1.031.230.138 đồng. Kể từ ngày T theo ngày xét xử sơ thẩm nếu ông B, bà L không trả được số tiền nợ gốc thì còn phải T tục chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Trường hợp ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên cho phát mại tài sản bảo đảm của vợ chồng ông B, bà L và tài sản của vợ chồng ông K, bà H đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ cho phía ngân hàng.

- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2017 ông bà tự nguyện ký hợp đồng thế chấp hai thửa đất của ông bà để đảm bảo cho một phần nghĩa vụ trả nợ của ông B tại Agribank chi nhánh huyện P. Nay Agribank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà L phải có nghĩa vụ trả ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ khi ký hợp đồng tín dụng cho đến nay thì quan điểm của ông, bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Trường hợp ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Agribank thì đề nghị Tòa án tuyên cho phát mại tài sản của vợ chồng ông B, bà L đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Agribank, nếu tài sản của vợ chồng ông B, bà L không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ của ngân hàng thì vợ chồng ông, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền ông B, bà L còn thiếu của ngân hàng.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan ông K, bà H thực hiện đúng Q và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà L chưa thực hiện đúng Q và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà L vắng mặt có lý do (có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt) nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông B và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 288, 292, 293, 294, 295, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167, 170, 188 của Luật đất đai năm 2014; Điều 24, 27, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức

tín dụng; Điều 4, 10 Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ; Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; khoản 1, 2, 3 Điều 5, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank, buộc ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị L phải trả Agribank toàn bộ số tiền nợ gốc 775.000.000 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/6/2022 là: 256.230.138 đồng và lãi phát sinh T theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông B, bà L trả xong nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có Q đề nghị các cơ quan chức năng phát mại tài sản đã thế chấp của vợ chồng ông B, bà L để thu hồi khoản nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và của vợ chồng ông K, bà H để thu hồi khoản nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí cho ngân hàng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà L phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh tH mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về xác quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Agribank có đơn khởi kiện ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị L để yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số 2411LAV201900531 ngày 22/3/2019 và giấy nhận nợ số 2411LDS201900954 ngày 22/3/2019 giữa các bên đã ký kết. Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B được UBND huyện P, tỉnh H cấp GCN đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh là hàng nông sản, đại diện hộ gia đình là ông Nguyễn Hữu B vay vốn tại Agribank để Kinh doanh nông sản (mua hạt sen, long nhãn) có mục đích lợi nhuận nên đây là quan hệ tranh chấp Kinh doanh tH mại về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Agribank với bị đơn ông Nguyễn Hữu B. Ông B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm Q theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông B, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Hộ gia đình ông B có đăng ký kinh doanh, đại diện hộ gia đình là ông B. Mặc dù hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ một mình ông B ký nhưng ông B ký tư

cách là đại diện hộ gia đình kinh doanh, mục đích vay vốn là để phục vụ nhu cầu kinh doanh nông sản của hộ gia đình chứ không phải cho cá nhân ông B. Mặt khác, ngày 22/3/2019 ông B được bà L ủy Q cho ông B thay mặt bà L xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Agribank nên căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27, Điều 33, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở buộc vợ chồng ông B, bà L phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Agribank.

+ Về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Hữu B: Tại thời điểm khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của ông B ở thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H như trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, được chính Q địa pH nơi cư trú của ông B cung cấp thông tin: Vợ chồng ông B, bà L vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu. Do không tống đạt được các văn bản tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện P và Công an phường Vn, thị xã T, tỉnh B thì được cung cấp thông tin: Ông B, bà L đăng ký tạm trú tại Nhà trọ Nguyễn Văn K, khu phố 4, phường Vn, thị xã T từ ngày 18/5/2020, đến ngày 13/4/2022 Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B, bà L nhưng không được do ông B, bà L không còn ở địa chỉ đăng ký tạm trú nêu trên nữa, hiện nay người khởi kiện không xác định được địa chỉ của ông B, bà L ở đâu. Việc ông B, bà L thường xuyên thay đổi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích là để che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, 2, 3 Điều 5; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện P xác định ông B, bà L cố tình giấu địa chỉ, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

+ Bị đơn ông Nguyễn Hữu B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

* Về hợp đồng tín dụng số 2411LAV201900531 ngày 22/3/2019 và giấy nhận nợ số 2411LDS201900954 ngày 22/3/2019 giữa bên cho vay là Agribank với bên vay, đại diện là ông Nguyễn Hữu B: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh Q, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

* Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 22/3/2019 ông Nguyễn Hữu B ký

hợp đồng tín dụng số 2411LAV201900531 tại Agribank chi nhánh huyện P để vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay theo giấy nhận nợ là 10 tháng (từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/01/2020). Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng là giải ngân cho ông B một lần đủ số tiền 800.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy nhận nợ số 411LDS201900954 ngày 22/3/2019; Bị đơn ông B không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ gốc và lãi. Sau khi quá thời hạn trả nợ, đến ngày 10/4/2020 ông B mới thanh toán trả Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn nợ lại là 775.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần ra thông báo yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B chưa thanh toán nợ. Việc ông B để quá thời hạn trả nợ là hoàn toàn do lỗi của ông B. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà L phải thanh toán trả ngân hàng số tiền nợ gốc 775.000.000 đồng là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, 27, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông B, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả Agribank số tiền nợ gốc còn lại là 775.000.000 đồng.

* Về yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận áp dụng mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 8%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn, giữa các bên không thỏa thuận điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay nên mức lãi suất 8%/năm sẽ được áp dụng cho cả thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/01/2020); lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất vay trong hạn, tương ứng là 12%/năm (ngân hàng có tự giảm lãi cho khách hàng vay để hỗ trợ dịch Covid 19 nên lãi suất quá hạn từ ngày 16/7/2021 đến ngày 01/01/2022 được tính là 10,8%/năm). Sự thỏa thuận của các bên đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên căn cứ Điều 357, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc vợ chồng ông B, bà L phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2019 cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn: (Từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/01/2020 là 306 ngày), nợ gốc 800.000.000 đồng x 8%/365 ngày x 307 ngày = 53. 654.795 đồng, ông B, bà L đã thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 14.904.110 đồng, số tiền lãi trong hạn còn lại chưa T toán là 38.750.685 đồng.

- Lãi quá hạn: Kể từ ngày hết hạn hợp đồng ngày 22/01/2020, do nợ quá hạn toàn bộ khoản tiền nợ gốc 800.000.000 đồng chưa thanh toán nên toàn bộ khoản nợ gốc sẽ chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/01/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, tương ứng 12%/năm đối với thời gian quá hạn như trong hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

+ (từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/4/2020 là 79 ngày), 800.000.000 đồng x 12%/365 ngày x 79 ngày = 20.778.082 đồng;

+ (từ ngày 11/4/2020 đến ngày 15/7/2021 là 461 ngày), 775.000.000đồng x 12%/365 ngày x 461 ngày = 117.460.274 đồng.

+ (từ ngày 16/7/2021 đến ngày 01/01/2022 là 170 ngày), 775.000.000đồng x 10,8%/365 ngày x 170 ngày = 38.983.562 đồng.

+ (từ ngày 02/01/2022 đến ngày 08/6/2022 là 158 ngày), 775.000.000đồng x 12%/365 ngày x 158 ngày = 40.257.535 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn là: 20.778.082 đồng + 196.701.371 đồng = 217.479.453 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 08/6/2022 ông B, bà L phải trả Agribank là 38.750.685 đồng + 217.479.453 đồng = 256.230.138 đồng.

Kể từ ngày T theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải T tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về hợp đồng thế chấp tài sản:

[3.1] Ngày 21/3/2017 ông Nguyễn Hữu B, vợ là bà Nguyễn Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 2017/HDTC/NHB và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 042018/PLHĐTC ngày 31/5/2018 tại Agribank chi nhánh huyện P, tỉnh H. Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,3m^2, đất đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị L có địa chỉ thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H, giá trị tài sản thế chấp là 573.350.000 đồng để bảo đảm cho một phần nghĩa vụ trả nợ của ông B tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa ông B với Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện P trước, cùng hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp bao gồm khoản nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan nếu có.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28 được nhà nước công nhận QSD đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất, đủ điều kiện nên đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 167 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2014 thì ông B, bà L có Q thế chấp thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất này. Hiện tại các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp tài sản.

Ông B, bà L thế chấp tài sản để bảo đảm cho một phần nghĩa vụ của ông B tại Agribank. Cụ thể bảo đảm cho khoản nợ gốc 400.000.000 đồng trong tổng số 800.000.000 đồng nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí

phát sinh liên quan nếu có của khoản nợ gốc 400.000.000 đồng. Nếu ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có Q yêu cầu cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 08/6/2022 là 132.247.813 đồng và lãi phát sinh T theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

[3.2] Ngày 25/4/2017 vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số 022017/NHK/HĐTC tại Agribank chi nhánh huyện P. Theo hợp đồng thế chấp, ông K, bà H thế chấp thửa đất số 80, diện tích 48,1m^2 và thửa đất số 81, diện tích 148m^2 cùng tờ bản đồ số 28, cả hai thửa đất đều đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H, có địa chỉ thôn P, xã T, huyện P, tỉnh H; giá trị tài sản thế chấp là 274.540.000 đồng; phạm vi bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông B tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa ông B với Agribank chi nhánh huyện P trước, cùng hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp bao gồm khoản nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan nếu có.

Hợp đồng thế chấp được hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; cả hai thửa đất đã thế chấp được nhà nước công nhận QSD đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất, đủ điều kiện nên đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 167 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2014 thì ông K, bà H có Q thế chấp hai thửa đất này. Hiện tại các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp tài sản.

Ông K, bà H thế chấp tài sản để bảo đảm cho một phần nghĩa vụ của ông B, bà L tại Agribank chi nhánh huyện P. Cụ thể: Bảo đảm cho khoản nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan nếu có của khoản nợ gốc 200.000.000 đồng. Nếu ông B, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Agribank có Q yêu cầu cho phát mại tài sản đã thế chấp của ông K, bà H để thu hồi khoản nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 08/6/2022 là 66.123.906 đồng và lãi phát sinh T theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

Căn cứ Điều 116, 117, 119, 292, 293, 294, 295, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, khoản 2 Điều 170, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2014; Điều 24, Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 163, Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp tài sản các bên đã giao kết nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

[4]Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm.

Ông B, bà L phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh tH mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 288, 292, 293, 294, 295, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167, 170, 188 của Luật đất đai năm 2014; Điều 24, 27, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10 Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ; Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; khoản 1, 2, 3 Điều 5, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2022) là 1.031.230.138 đồng (một tỷ không trăm ba mươi mốt triệu hai trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 775.000.000 đồng (Bẩy trăm bẩy mươi lăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 38.750.685 đồng (ba mươi tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 217.479.453 đồng (hai trăm mười bẩy triệu bốn trăm bẩy chín nghìn bốn trăm năm ba đồng).

Kể từ ngày T theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải T tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về xử lý tài sản thế chấp*:* Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị L *không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Agribank có* Q *yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm* Q *tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng, gồm:*

+ Q *sử dụng đất thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,3m2, địa chỉ: Thôn* P, *xã* T, *huyện* P, *tỉnh* H *và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp* Q *sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2017/HDTC/NHB ngày 21/3/2017, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 042018/PLHĐTC ngày 31/5/2018 được công chứng và đăng ký thế chấp để đảm bảo thực hiện một phần nghĩa vụ của ông* B, *bà* L *tại Agribank. Tài sản thế chấp của ông* B, *bà* L *đã được UBND huyện* P, *tỉnh* H *cấp GCNQSD đất,* Q *sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 780690, số vào sổ cấp GCN: CH 01004 ngày 31/12/2013, mang tên ông* Nguyễn Hữu B *và bà* Nguyễn Thị L. *Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm của ông* B, *bà* L *sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông* B, *bà* L *đối với Agribank, bao gồm khoản nợ gốc 400.000.000 đồng,* lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2022 là 132.247.813 đồng *và lãi suất phát sinh* T *theo theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/6/2022. Số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm của ông* B, *bà* L *không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông* B, *bà* L *vẫn phải* T tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng, *số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông* Nguyễn Hữu B, *bà* Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Hữu B, *bà* Nguyễn Thị L *có trách nhiệm giao tài sản thế chấp là* Q *sử dụng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,3m2, địa chỉ: Thôn* P, *xã* T, *huyện* P, *tỉnh* H *và tài sản gắn liền với đất cho Agribank khi Agribank có yêu cầu phát mại xử lý tài sản thế chấp.*

+ Q *sử dụng đất thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28, diện tích 48,1m2 và thửa số 81, tờ bản đồ số 28, diện tích 148m*^{2}*, cùng địa chỉ: Thôn* P, *xã* T, *huyện* P, *tỉnh* H *theo Hợp đồng thế chấp* Q *sử dụng đất số: 022017/NHK/HĐTC ngày 25/4/2017 được công chứng và đăng ký thế chấp để đảm bảo thực hiện một phần nghĩa vụ của ông* B, *bà* L *tại Agribank. Tài sản thế chấp của ông* K, *bà* H *đã được UBND huyện* P, *tỉnh* H *cấp GCNQSD đất,* Q *sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 738255, vào sổ cấp GCN: CH 00325 ngày 18/9/2013 đối với thửa số 80 và số BO 738256, vào sổ cấp GCN: CH 00326 ngày 18/9/2013 đối với thửa số 81, cùng tờ bản đồ số 28, mang tên ông* Nguyễn Hữu K *và bà* Nguyễn Thị H. *Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm của ông* K, *bà* H *sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được dùng để thanh toán một phần nghĩa vụ trả nợ của ông* B, *bà* L *đối với Agribank, bao gồm khoản nợ gốc 200.000.000 đồng,* lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2022 là 66.123.906 đồng *và lãi phát sinh* T *theo theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/6/2022. Số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm của ông* K, *bà* H *không đủ để thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ của ông* B, *bà* L *nêu trên thì ông* B, *bà* L *vẫn phải* T tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng, *số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông* Nguyễn Hữu K, *bà* Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Hữu K, *bà* Nguyễn Thị H *có trách nhiệm giao tài sản thế chấp là* Q *sử dụng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28, diện tích 48,1m^2 và thửa số 81, tờ bản đồ số 28, diện tích 148m^2, cùng địa chỉ: Thôn* P, *xã* T, *huyện* P, *tỉnh* H *cho Agribank khi Agribank có yêu cầu phát mại xử lý tài sản thế chấp.*

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị L phải chịu 42.936.904 đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm ba sáu nghìn chín trăm linh bốn đồng) án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm.

Hoàn trả Agribank số tiền 19.362.600 đồng (mười chín triệu ba trăm sáu hai nghìn sáu trăm đồng) án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003819, ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về Q kháng cáo: Nguyên đơn; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị H được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn ông Nguyễn Hữu B, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Bùi Mạnh Q